

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày: 22/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyên.
2. Ông Trần Văn Giàu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-DS ngày 08/5/2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST - DS ngày 08/9/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST - DS ngày 05/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thanh H. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U - Quảng Ninh (được ủy quyền theo Quyết định số 4716/QĐ - NHCS ngày 25/11/2016), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 1, khu L, P. P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1- Trại Giam H - thị xã C - tỉnh Hải Dương, vắng mặt tại phiên tòa có đề nghị xin xử vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lại Thị D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 1, khu L, P. P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 1, khu L, P. P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Hội nông dân phường P.

Địa chỉ: Phường P, thành phố U, tỉnh Q.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Thúy N. Chức vụ: Chủ tịch Hội nông dân phường P, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 bà Trần Thị G thông qua việc tín chấp của Hội nông dân phường P đã vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh với số tiền vay là 8.000.000đ (tám triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 081193. Mục đích sử dụng tiền vay: xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất trong hạn 0,9%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn 1,17% tháng. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 22. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/12/2011. Theo thỏa thuận của các bên thì bà Trần Thị G là người vay, chị Lại Thị D (con G bà G) là người thừa kế khoản vay.

Quan điểm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Dương Thị Thanh H: Đến thời hạn trả nợ, bà G không trả được nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách đã gia hạn trả nợ cho bà G đến ngày 22/12/2012. Trong thời gian được gia hạn trả nợ, ngày 22/5/2012 bà G đã trả nợ gốc cho Ngân hàng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tổng số tiền lãi đã trả cho Ngân hàng là 2.046.600đ (Hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), bà G chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Sau ngày 22/12/2012 khoản vay của bà G đã chuyển sang nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng thông báo cho bà G biết. Qua nhiều lần Ngân hàng cùng Hội nông dân phường P đã tiến hành đôn đốc nhưng hiện tại bà G đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà G có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 22/10/2018 bao gồm nợ gốc 7.000.000đ (bảy triệu đồng), nợ lãi 5.664.700đ (Năm triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm đồng). Tổng nợ 12.664.700đ (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm đồng) đồng thời phải tiếp tục trả nợ lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi bà G tắt toán khoản vay.

Tại biên bản lấy lời khai đối với bị đơn bà Trần Thị G tại Trại giam Hoàng Tiến ngày 04/7/2018, bà G có quan điểm: Ngày 31/12/2009 (thời điểm này bà G sống độc thân, không có đăng ký kết hôn với ai) thông qua Hội nông dân phường P bà G có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch U số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất trong hạn 0,9%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn 1,17% tháng.

Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 22. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/12/2011. Ngày 31/12/2009, bà G đã nhận đủ số tiền trên. Trong quá trình trả nợ, bà G có quan điểm đã trả nợ hết cho Ngân hàng. Thời điểm trả nợ khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2012. Bà G đã trả cho bà Vũ Thị T - là tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn khu L, P. P. Thời điểm trả nợ đã lâu nên bà G không nhớ tổng số tiền đã trả là bao nhiêu. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ bà G có quan điểm: sự việc đã xảy ra giấy tờ đã trả hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua bà Vũ Thị T đã lâu rồi bà G không nhớ lưu trữ tại đâu. Vì vậy, bà G có quan điểm nhận nợ, bà G sẽ tác động con G trả số tiền gốc là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) cho Ngân hàng. Còn số tiền lãi do bà G hiện đang chấp hành án không đủ khả năng trả nợ. Bà G đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội miễn cho bà G phần lãi phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2018 của chị Lại Thị D - là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, chị D có quan điểm: Chị D là con G của bà G. Chị D được biết năm 2009 mẹ chị là bà G thông qua Hội nông dân phường P có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U. Người thừa kế nghĩa vụ là chị D. Năm 2013, mẹ chị D đã đi thụ án tại Trại giam Hoàng Tiến với mức án 12 năm tù. Về quan điểm giải quyết vụ án chị D có quan điểm như sau: theo chị D được biết thì mẹ chị D nói đã trả hết số tiền nợ cho bà T là đại diện của Ngân hàng. Chị D đề nghị được biết khi nào bản thân chị D phải có trách nhiệm trả thay số tiền mẹ chị đã vay của Ngân hàng. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết thỏa đáng vụ việc.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Hội nông dân phường P - Đại diện theo pháp luật Trịnh Thị Thúy Nhung có quan điểm: Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U có ký hợp đồng ủy nhiệm với Hội nông dân phường P và các tổ trưởng tổ vay vốn của phường P về việc thu lãi, thu tiết kiệm và thực hiện một số nội dung khác trong quy trình cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội. Về quy trình cho vay vốn: Qua việc xét duyệt của tổ, khu trình kèm theo danh sách những đối tượng được vay vốn ngân hàng, Hội nông dân và Ủy ban nhân dân phường P tổ chức xét duyệt và gửi lên ngân hàng chính sách cho vay vốn theo quy định. Hội nông dân thực hiện việc tín chấp, hướng dẫn thủ tục, tiếp cận vốn, theo dõi đơn đốc trả nợ. Bà Trần Thị G có giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vệ sinh môi trường nước sạch. Sau khi nhận được đơn, tổ vay vốn của khu họp và xét duyệt, chuyển hồ sơ lên Hội nông dân và UBND phường P. Hội nông dân và UBND phường thẩm định hồ sơ và xét thấy đủ điều kiện cho vay và đã chuyển hồ sơ lên Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U để cho bà G vay vốn theo quy định. Bà G được Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U cho vay số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng). Thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Nay, bà G chưa trả đủ nợ cho ngân hàng chính sách xã hội thành phố U, quan điểm của Hội nông dân đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Vũ Thị T: Bà T là tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn khu L - phường P. Bà T được biết nội D vụ việc liên quan đến bà Trần Thị G như sau: ngày 31/12/2009 bà G có vay Ngân hàng chính sách xã hội thành

thành phố U với số tiền là 8.000.000đ, thông qua Hội nông dân phường P. Với nhiệm vụ là tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn bà T thực hiện việc thu lãi hàng tháng đối với khoản vay của bà G, còn không có nhiệm vụ thu gốc (vì không được Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch thành phố U ủy quyền thu gốc). Theo bà T được biết, bà G đã trả cho Ngân hàng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền gốc. Tổng tiền lãi đã trả là 2.046.600đ (Hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Bà G và chị D có quan điểm là đã trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thông qua bà T là hoàn toàn sai sự thật. Bà T cam đoan lời khai của bà T là đúng nếu sai bà T xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và thư ký: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử thì thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. . .Hoạt động của thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng quy định tại Điều 49 BLTTDS. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn bà Trần Thị G (đang đi thi hành án). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS.

3. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 465, 468 Bộ luật dân sự buộc bà Trần Thị G phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U theo quy định của pháp luật. Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị G phải chịu án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án:

Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại thành phố U, tỉnh Q thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U và bị đơn có địa chỉ tại thành phố Uông Bí, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

Chị Lại Thị D, bà Vũ Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án:

Về nội D vụ án: Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Q cho bà Trần Thị G vay số tiền là 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 081193. Mục đích sử dụng tiền vay: xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất trong hạn 0,9%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn 1,17% tháng. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 22. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/12/2011. Bà Trần Thị G đã nhận đủ số tiền này theo phiếu chi ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và tiền lãi quá hạn. Căn cứ vào lời trình bày cũng như các tài liệu đại diện nguyên đơn đã nộp như sổ vay vốn; sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ; phiếu chi ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 7 năm 2018 bà Trần Thị G đã thừa nhận vay số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bà Trần Thị G vay Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) là đúng sự thật. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên đều hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình đã được ghi trong sổ vay vốn. Theo như các chứng từ Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thì bà G đã trả được cho Ngân hàng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền nợ gốc và tổng nợ lãi đã trả là 2.046.600đ (Hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Bà G có quan điểm là đã trả nợ hết cho Ngân hàng, bà G đã trả cho bà Vũ Thị T - là tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn khu L, phường P, thành phố U, tuy nhiên bà G cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện đã trả hết nợ cho Ngân hàng thông qua bà Vũ Thị T. Sau bà G có quan điểm xin được trả số tiền gốc cho Ngân hàng là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và xin được miễn trả lãi. Như vậy, bà G vi phạm vào điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 quy định về quyền và nghĩa vụ của người vay của Sổ vay vốn. Tính đến ngày 22/10/2018, bà G còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội bao gồm nợ gốc 7.000.000đ (bảy triệu đồng), nợ lãi 5.664.700đ (Năm triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm đồng). Tổng nợ 12.664.700đ (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm đồng). Từ đánh giá trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị G phải trả nợ gốc và nợ lãi theo đúng như các bên đã thỏa thuận.

[3] Về trách nhiệm của Hội nông dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh: Hội nông dân phường P, thành phố U là tổ chức chính trị xã hội có ký hợp đồng uỷ thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U. Trong đó hợp đồng uỷ thác quy định Hội nông dân phường P có trách nhiệm đôn đốc người vay trả nợ gốc, lãi theo định kỳ đã thỏa thuận. Hội nông dân phường P thực hiện việc tín chấp đối với hội viên của mình nhưng đến nay bà Trần Thị G chưa trả hết nợ gốc và chưa trả đủ nợ lãi theo như đã cam kết. Vì vậy, Hội nông dân phường P tiếp tục phải có trách nhiệm đôn đốc bà Trần Thị G trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo như đã thỏa thuận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Điều 298, 372, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

-Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C

Buộc bà Trần Thị G phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là: 12.664.700đ (Mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn, bảy trăm đồng) trong đó: Nợ gốc: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); Nợ lãi quá hạn là 5.664.700đ (Năm triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm đồng) theo sổ vay vốn, mã khách hàng 081193 và giấy nhận nợ ngày 31/12/2009.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Hội nông dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục có trách nhiệm đôn đốc bà Trần Thị G trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo như đã thỏa thuận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị G phải nộp 633.235đ (Sáu trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22 tháng 10 năm 2018.

Vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải